SAO Y
Người ký: Sở Tư pháp
Email: sotuphap@yenbai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Yên Bái
Thời gian ký: 13.03.2024 11:06:35 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65 /2023/NQ-HĐND	*Yên Bái, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh; mức phụ cấp, hỗ trợ; khoán quỹ phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Người ký: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND
Email: vpddbqh_hdnd@yenbai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Yên Bái
Thời gian ký: 29.12.2023 10:26:15 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định chức danh; mức phụ cấp, hỗ trợ; việc kiêm nhiệm chức danh; khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 235/BC-BPC ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), ở thôn, bản, tổ dân phố; mức phụ cấp, hỗ trợ; khoán quỹ phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố;

d) Những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố;

e) Cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

Điều 2. Quy định chức danh, mức phụ cấp, khoán quỹ phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

a) Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, thị trấn

Số TT	Chức danh theo loại xã, thị trấn		
	Xã, thị trấn loại I *(14 chức danh)*	**Xã, thị trấn loại II** *(12 chức danh)*	**Xã, thị trấn loại III** *(10 chức danh)*
1	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã
2	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
3	Chủ tịch Hội người cao tuổi	Chủ tịch Hội người cao tuổi	Chủ tịch Hội người cao tuổi
4	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Phụ trách giao thông, thuỷ lợi
5	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Phụ trách công tác Đài truyền thanh	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Phụ trách công tác Đài truyền thanh
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Phó Chủ tịch Hội Nông dân - Nhân viên thú y

7	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ - Phụ trách công tác xã hội, dân số, gia đình, trẻ em	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ - Phụ trách công tác xã hội, dân số, gia đình, trẻ em
9	Văn phòng Đảng ủy	Văn phòng Đảng ủy	Văn phòng Đảng ủy
10	Bảo vệ, tạp vụ, bưu tá	Bảo vệ, tạp vụ, bưu tá	Bảo vệ, tạp vụ, bưu tá
11	Phụ trách giao thông, thuỷ lợi	Phụ trách giao thông, thuỷ lợi	
12	Nhân viên thú y	Nhân viên thú y	
13	Phụ trách công tác Đài truyền thanh		
14	Phụ trách công tác xã hội, dân số, gia đình, trẻ em		

b) Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở phường

Số TT	**Chức danh theo loại phường**		
	Phường loại I *(14 chức danh)*	**Phường loại II** *(12 chức danh)*	**Phường loại III** *(10 chức danh)*
1	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã
2	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
3	Chủ tịch Hội người cao tuổi	Chủ tịch Hội người cao tuổi	Chủ tịch Hội người cao tuổi
4	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Phó ban Bảo vệ dân phố	Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Phó ban Bảo vệ dân phố
5	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Phụ trách công tác Đài truyền thanh	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Phụ trách công tác Đài truyền thanh
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh - Phụ trách trật tự đô thị
7	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ - Phụ trách công tác xã hội, dân số, gia đình, trẻ em
8	Văn phòng Đảng ủy	Văn phòng Đảng ủy	Văn phòng Đảng ủy
9	Bảo vệ, tạp vụ, bưu tá	Bảo vệ, tạp vụ, bưu tá	Bảo vệ, tạp vụ, bưu tá
10	Trưởng ban Bảo vệ dân phố	Trưởng ban Bảo vệ dân phố	Trưởng ban Bảo vệ dân phố
11	Phụ trách trật tự đô thị	Phụ trách trật tự đô thị	

12	Phụ trách công tác xã hội, dân số, gia đình, trẻ em	Phụ trách công tác xã hội, dân số, gia đình, trẻ em	
13	Phụ trách công tác Đài truyền thanh		
14	Phó ban Bảo vệ dân phố		

2. Mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (đã bao gồm các khoản hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế):

a) Chưa qua đào tạo: 1,0 lần mức lương cơ sở;

b) Trình độ trung cấp: 1,3 lần mức lương cơ sở;

c) Trình độ cao đẳng: 1,4 lần mức lương cơ sở;

d) Trình độ đại học: 1,5 lần mức lương cơ sở.

3. Khoán quỹ phụ cấp hằng tháng của các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, cụ thể:

a) Đối với xã, phường, thị trấn loại 1 bằng 21,0 lần mức lương cơ sở;

b) Đối với xã, phường, thị trấn loại 2 bằng 18,0 lần mức lương cơ sở;

c) Đối với xã, phường, thị trấn loại 3 bằng 15,0 lần mức lương cơ sở.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã có định mức số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tăng thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 định mức người hoạt động không chuyên trách tăng thêm.

Điều 3. Quy định chức danh, mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố; mức hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố và mức khoán quỹ phụ cấp

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

a) Chức danh, mức phụ cấp

Số TT	**Chức danh**	**Mức phụ cấp hằng tháng** *(Tính theo hệ số mức lương cơ sở)*
I	**Đối với tổ dân phố thuộc phường**	
1	Bí thư chi bộ	1,2
2	Tổ trưởng Tổ dân phố	1,2
3	Trưởng ban công tác mặt trận	1,0
4	Thôn đội trưởng	0,7
5	Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố	0,5

II	**Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn**	
1	Bí thư chi bộ	1,2
2	Tổ trưởng Tổ dân phố	1,2
3	Trưởng ban công tác mặt trận	1,0
4	Thôn đội trưởng	0,7
5	Công an viên	0,8
III	**Đối với thôn, bản**	
1	Bí thư chi bộ	1,2
2	Trưởng thôn, bản	1,2
3	Trưởng ban công tác mặt trận	1,0
4	Thôn đội trưởng	0,7
5	Công an viên	0,8
6	Nhân viên y tế thôn, bản - Cộng tác viên dân số	0,6

b) Số lượng người: Tối đa không quá 05 người/thôn, bản thuộc xã và không quá 04 người/tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

2) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Chức danh; mức hỗ trợ hằng tháng

Số TT	**Chức danh**	**Mức hỗ trợ đối với các chức danh ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn** *(Tính theo hệ số mức lương cơ sở)*	**Mức hỗ trợ đối với các chức danh ở tổ dân phố thuộc phường** *(Tính theo hệ số mức lương cơ sở)*
1	Phó Bí thư chi bộ	0,5	0,5
2	Phó trưởng thôn (bản, tổ dân phố)	0,2	0,2
3	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	0,2	0,2
4	Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi	0,2	0,2
5	Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ	0,2	0,2
6	Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,2	0,2
7	Chi hội trưởng Hội Nông dân (*bố trí ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn*)	0,2	

b) Số lượng người: Tối đa không quá 05 người/thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn và không quá 04 người/tổ dân phố thuộc phường.

3. Khoán quỹ phụ cấp, kinh phí hỗ trợ hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố như sau:

a) Đối với tổ dân phố thuộc phường bằng 6,3 lần mức lương cơ sở;

b) Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn bằng 6,8 lần mức lương cơ sở;

c) Đối với thôn, bản bằng 7,4 lần mức lương cơ sở.

Điều 4. Việc kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Các trường hợp kiêm nhiệm:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố;

d) Thực hiện kiêm nhiệm chức danh Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, bản, tổ dân phố;

e) Đối với chức danh Phó Bí thư chi bộ không thực hiện bố trí chuyên trách công tác Đảng mà thực hiện kiêm nhiệm chức danh khác.

2. Số lượng chức danh kiêm nhiệm:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc bố trí các chức danh kiêm nhiệm.

3. Chi trả phụ cấp kiêm nhiệm (phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế):

a) Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,5 mức lương cơ sở.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng mức tương ứng với trình độ đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, bản, tổ dân phố; Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm;

d) Trường hợp kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% của chức danh có mức phụ cấp cao nhất.

Điều 5. Mức chi bồi dưỡng thêm

Hằng tháng, căn cứ mức kinh phí khoán thực tế tiết kiệm được (sau khi chi trả đủ phụ cấp và chi hỗ trợ cho các đối tượng), Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chi trả bồi dưỡng thêm cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố bảo đảm công khai, minh bạch. Mức chi bồi dưỡng thêm hằng tháng được tính cụ thể như sau:

$$\textit{Mức chi bồi dưỡng thêm của 01 người/tháng} = \frac{\textit{Tổng mức khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hỗ trợ Thực tế tiết kiệm được trong tháng}}{\textit{Số lượng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố thực tế được bố trí theo quy định}}$$

Người được chi trả phụ cấp, chi hỗ trợ hằng tháng từ mức khoán kinh phí hoạt động Quỹ nào thì được hưởng mức chi bồi dưỡng thêm từ nguồn mức khoán kinh phí của Quỹ đó.

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố không được hưởng mức chi bồi dưỡng thêm quy định tại Điều này.

Điều 6. Mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 71/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Kinh phí khoán quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố do ngân sách nhà nước và hàng năm được bố trí trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện nghị quyết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoán quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái và Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND, hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Bãi bỏ khoản 2 và điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái thông qua Đề án xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động lực lượng Dân quân tự vệ, Công an xã bán chuyên trách tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

3. Khi văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV[pc].

CHỦ TỊCH
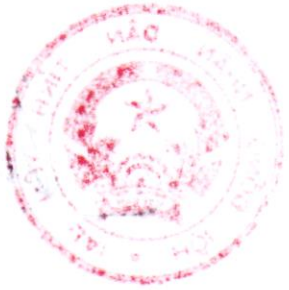
Tạ Văn Long